

KHẢO SÁT VĂN BẢN HẠNH AM DI VĂN

NGHIÊM THU NGÀ (*)

Văn bản *Hạnh Am di văn* (幸庵遺文), hiện còn một bản lưu giữ ở Viện Nghiên cứu Hán Nôm, mang kí hiệu VHB.212 và cũng tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm, hiện còn có một văn bản có tên *Lạp Phong văn cáo* 笠峰文稿 mang kí hiệu A.3148, có một phần nội dung ghi chép thư, chiếu, biểu gần giống như văn bản *Hạnh Am di văn*. Ngoài ra, chúng tôi cũng đã tìm hiểu tại một số thư viện tại Hà Nội, nhưng cho đến thời điểm hiện nay vẫn chưa tìm ra dị bản khác. Sau đây là kết quả nghiên cứu của chúng tôi về *Hạnh Am di văn* dưới góc độ văn bản học.

1. Hình thức văn bản

Văn bản *Hạnh Am di văn* được viết trên loại giấy dó mỏng màu vàng, khổ giấy 19x14cm. Văn bản có dấu chấm câu, nhưng không đánh số tờ. Sau này, có người tu bổ đã đánh dấu số trang ở trên đầu mỗi trang, bằng mực xanh nhạt, nét to. Văn bản không ghi tên người sao chép, niên đại sao chép. Nét chữ trong văn bản là dạng chữ đá thảo, nét to, phóng khoáng nhưng khá nhiều chữ mờ, khó đọc.

Văn bản vốn sạch sẽ, ít chỗ tẩy xóa, thêm bớt. Nhưng trong quá trình phục vụ bạn đọc, người đọc lại sửa chữa khá

hiều. Có nhiều màu mực được dùng trong quá trình tu bổ (màu tím, màu xanh, màu đỏ), có lẽ do người sửa chữa đánh dấu vào.

2. Kết cấu văn bản

Văn bản còn nguyên cả hai bìa sau, trước. Gáy bị nứt ở viền mép. Bìa bằng giấy xi măng màu cỏ úa, quét sơn ta không đều. Gáy bả sơn ta màu nâu đậm. Gáy sách, bìa sách đều không ghi chữ (không có tên sách).

Ở tờ đầu (tờ lót), có ghi dòng chữ Quốc ngữ *Hạnh Am di văn*. Nét chữ nhỏ, màu xanh, đã mờ. Tờ tiếp theo có dòng chữ 祈僊陳集 (*Kì tiên trần tập*), là tên đề cho phần văn bản có 10 tờ (20 trang). Phần này gồm hai bài ca viết bằng chữ Nôm và một bài ca viết bằng chữ Hán. Cả ba bài đều nói về thú ẩn dật nơi non xanh nước biếc, có nhắc đến tên “La Sơn Hạnh Am Nguyễn phu tử” nhưng không ghi tên tác giả. Từ tờ thứ 11 đến hết tờ 33 (gồm 44 trang) là thư, chiếu, chỉ của các vua Tây Sơn (vua Quang Trung và vua Cảnh Thịnh) và Nguyễn Ánh gửi cho La Sơn phu tử Nguyễn Thiếp cùng thư, biểu tấu của La Sơn phu

(*) ThS. Học viện Chính trị Hành chính Quốc gia.

từ gửi cho các vua Tây Sơn (không có bức nào gửi cho Nguyễn Ánh). Từ tờ 34 đến tờ 40 (gồm 13 trang, vì tờ cuối chỉ viết chữ một mặt) là bài văn tế Trình Quốc công (Nguyễn Bình Khiêm) do Đinh Thời Trung soạn. Ngoài ra văn bản còn 4 tờ giấy trắng không ghi chữ, có lẽ do thừa nên để trống.

Như vậy, ngoài tờ bìa và tờ lót, văn bản chính thức có 38 tờ (bằng 75 trang). Trung bình có 15 chữ trên một dòng, có 7 dòng trên một trang.

Văn bản gồm 3 phần. *Phần 1* chưa rõ tác giả là ai, vì chưa có căn cứ xác đáng, nên chúng tôi chưa dám khẳng định và sẽ tiếp tục tìm hiểu. *Phần 3* không liên quan đến La Sơn phu tử. Chỉ có *Phần 2* là tập hợp các tác phẩm có ghi tác giả rõ ràng, là những văn kiện liên quan đến triều Tây Sơn và La Sơn phu tử Nguyễn Thiếp.

Bộ sách *Di sản Hán Nôm Việt Nam - Thư mục đề yếu* có chú: “Thư và biểu tấu của Nguyễn Thiếp kí tên Nguyễn Khải Chuyên, hiệu Hạnh Am”⁽¹⁾. Nhưng qua khảo sát, chúng tôi thấy các bức thư, biểu tấu của Nguyễn Thiếp thường kí tên hoặc xưng là Nguyễn Khải Chuyên, mà không ghi hiệu Hạnh Am.

Tuy nhiên, như ta đã biết, Hạnh Am là hiệu của Nguyễn Thiếp khi đã lui về ở ẩn. Mà thư từ giao thiệp với các vua triều Tây Sơn cũng ra đời trong giai đoạn này. Vì vậy, chỉ có *Phần 2* là phần chính thức của văn bản, gắn với Hạnh Am - Nguyễn Thiếp, là phần đáng tin cậy nhất - là đối tượng nghiên cứu của bài viết.

Sau đây là bảng thống kê các thư từ, chiếu chỉ, biểu tấu trong *Phần 2* của văn bản:

TT	Thời gian	Chủ thể - Đối tượng	Mục đích
1	Ngày 18 tháng 12 năm Thái Đức thứ 9	Vua Quang Trung Nguyễn Huệ gửi La Sơn phu tử Nguyễn Thiếp	Mời ra làm quan
2	Ngày 9 tháng 1 năm Cảnh Hưng thứ 48	La Sơn phu tử Nguyễn Thiếp gửi vua Quang Trung Nguyễn Huệ	Từ chối lời mời
3	Ngày 10 tháng 8 năm Thái Đức thứ 10	Vua Quang Trung Nguyễn Huệ gửi La Sơn phu tử Nguyễn Thiếp	Mời ra làm quan
4	Ngày 2 tháng 9 năm Chiêu Thống nguyên niên	La Sơn phu tử Nguyễn Thiếp gửi vua Quang Trung Nguyễn Huệ	Từ chối lời mời
5	Ngày 13 tháng 9 năm Thái Đức thứ 10	Vua Quang Trung Nguyễn Huệ gửi La Sơn phu tử Nguyễn Thiếp	Mời ra làm quan
6	Ngày 18 tháng 3 năm Thái Đức thứ 11	Vua Quang Trung Nguyễn Huệ gửi La Sơn phu tử Nguyễn Thiếp	Mời ra hội kiến để bàn quốc sự
7	Ngày 3 tháng 9 năm Thái Đức thứ 11	Vua Quang Trung Nguyễn Huệ gửi La Sơn phu tử Nguyễn Thiếp	Hỏi thúc việc xem đất lập đô
8	Ngày 4 tháng 9 năm Quang Trung thứ 2	La Sơn phu tử Nguyễn Thiếp gửi vua Quang Trung Nguyễn Huệ	Từ chối hợp tác và trả lộc
9	Ngày 5 tháng 10 năm Quang Trung thứ 2	Vua Quang Trung Nguyễn Huệ gửi La Sơn phu tử Nguyễn Thiếp	Không cho trả lộc, mời ra phụ tá

10	Ngày 10 tháng 12 năm Quang Trung thứ 2	La Sơn phu tử Nguyễn Thiếp gửi vua Quang Trung Nguyễn Huệ	Bàn về xứ Nghệ An và đạo trị nước
11	Ngày 10 tháng 7 năm Quang Trung thứ 4	Vua Quang Trung Nguyễn Huệ gửi La Sơn phu tử Nguyễn Thiếp	Mời ra giúp việc nước
12	Ngày 10 tháng 8 năm Quang Trung thứ 4	La Sơn phu tử Nguyễn Thiếp gửi vua Quang Trung Nguyễn Huệ	Bàn về 3 việc hệ trọng: Quân đức - Dân tâm - Học pháp
13	Ngày 20 tháng 8 năm Quang Trung thứ 4	Vua Quang Trung Nguyễn Huệ gửi La Sơn phu tử Nguyễn Thiếp	Quyết định lập Sùng Chính thư viện, ban cho làm Viện trưởng
14	Ngày 17 tháng 11 năm Quang Trung thứ 5	La Sơn phu tử Nguyễn Thiếp gửi vua Cảnh Thịnh Nguyễn Quang Toản	Trả lộc và xin quay lại cuộc đời ẩn dật
15	Ngày 10 tháng 12 năm Cảnh Thịnh thứ 8	Vua Cảnh Thịnh Nguyễn Quang Toản gửi La Sơn phu tử Nguyễn Thiếp	Mời ra bàn quốc sự
16	Ngày 2 tháng 6 năm Cảnh Hưng thứ 62	Chúa Nguyễn Ánh gửi La Sơn phu tử Nguyễn Thiếp	Cho phép về núi

Từ đây, chúng tôi xin được lấy số thứ tự làm tên gọi cho từng bức thư, chiếu chỉ, biểu tâu. Ví dụ: Bức 1 - ứng với STT 1

3. Tên đề văn bản: *Hạnh Am di văn* 幸庵遺文 hay là *Kì tiên trần tập* 祈僊陳集?

Các văn bản Hán Nôm Việt Nam còn lại đến ngày nay phải trải qua nhiều “kiếp nạn”. Trong quá trình truyền bản, do sự thất lạc, mất mát, do sao chép..., cùng với những hư hỏng, rách nát, mất trang, nhòe chữ..., tên văn bản cổ cũng có thể thay đổi, thậm chí không tên. Nhiều khi, trong quá trình tu bổ, hiệu chỉnh, cùng một văn bản, nhưng người ta gán cho nó nhiều tên gọi khác nhau. Việc trả lại tên cho văn bản cổ, xác định tên chính thức, phổ biến nhất, gần với nguyên tác nhất đối với những văn bản có nhiều tên gọi, nhiều cách ghi khác nhau là hết sức cần thiết.

Qua quá trình khảo sát, chúng tôi nhận thấy, các nhà nghiên cứu khi thống kê các tác phẩm của La Sơn phu tử Nguyễn Thiếp

có sự không thống nhất. Trong số những tài liệu mà chúng tôi sưu tầm được, có rất ít tài liệu nhắc đến tên *Hạnh Am di văn*. Chỉ có tác giả Trần Văn Giáp trong *Tìm hiểu kho sách Hán Nôm*⁽²⁾, tác giả Trịnh Khắc Mạnh trong *Tên tự - tên hiệu các tác gia Hán Nôm*⁽³⁾ là chính thức nhắc đến. Ngoài ra có hai tác giả nhắc đến tên *Hạnh Am thi văn tập*: Bùi Duy Tân trong *Tinh tuyển thơ văn Hán Nôm*⁽⁴⁾ và Thái Kim Đính trong *Tác gia Hán Nôm Nghệ Tĩnh*⁽⁵⁾, không rõ đó có phải là tên gọi khác của *Hạnh Am di văn* không?

Còn *Kì tiên trần tập* thì những tài liệu nói trên đều không ghi nhận. Nhưng trong *Di sản Hán Nôm Việt Nam - Thư mục đề yếu*, tập 1, lại ghi rõ: *Hạnh Am di văn // Kì tiên trần tập*⁽⁶⁾. Điều đó có nghĩa là tác giả thừa nhận văn bản này có 2 tên gọi khác nhau.

Vậy do đâu mà có hai cách gọi tên như vậy? Và tên đề nào là tên chính thức cho văn bản hay không?

Như chúng tôi đã trình bày ở mục 1., văn bản này không có chữ ở gáy sách, đầu sách (nghĩa là vốn không có tên sách). Nhưng ở tờ lót, có dòng chữ Quốc ngữ: *Hạnh Am di văn*, vốn do người tu bổ ghi vào, có lẽ là dựa vào nội dung của *Phần 2* mà đặt ra vậy. Ở tờ tiếp theo có dòng chữ Hán 祈僊陳集 (*Kì tiên trần tập*). Như vậy, trong quá trình khảo cứu, tác giả bộ *Di sản Hán Nôm Việt Nam - Thư mục đề yếu* đã dựa vào dòng chữ này để đặt tên cho văn bản.

Tuy nhiên, như chúng ta đã biết, dòng chữ 祈僊陳集 nằm ở dòng đầu tiên của *Phần 1*, nói về thứ ần dật, chỉ nói lên chủ đề cho *Phần 1*. Mặt khác, mặc dù phần này có nhắc đến tên hiệu của Nguyễn Thiếp, nghĩa là ít nhiều có liên quan đến ông nhưng chưa có căn cứ khoa học để khẳng định có phải là sáng tác của Nguyễn Thiếp hay không. Vì vậy, chúng tôi cho rằng đây không phải là phần chính thức của văn bản. Như vậy, việc lấy *Kì tiên trần tập* đặt tên đề cho toàn bộ văn bản, theo chúng tôi, là chưa hợp lý.

Còn *Hạnh Am di văn*, tuy chỉ là dòng chữ ghi thêm bằng Quốc ngữ, vốn không thuộc nguyên tác, do người tu bổ về sau

ghi vào nhưng tên đề ấy lại căn cứ vào nội dung *Phần 2* - phần chính thức của văn bản có nội dung chiếm chủ yếu trong tác phẩm và gắn với *Hạnh Am - La Sơn phu tử Nguyễn Thiếp*. Vì vậy, theo chúng tôi, tên đề này có thể xem như là tên của văn bản.

Chính vì những lí do trên, chúng tôi đưa ra kiến nghị chọn *Hạnh Am di văn* là tên đề chính thức cho văn bản mà bài viết nghiên cứu.

4. Xác định niên đại sao chép văn bản

Cũng như nhiều văn bản Hán Nôm cổ, văn bản *Hạnh Am di văn* không ghi niên đại sao chép. Vậy dựa vào đâu để xác định niên đại sao chép đích thực của văn bản?

Ta đã biết có nhiều cơ sở để xác định niên đại một văn bản Hán Nôm. Những chi tiết tưởng chừng nhỏ nhặt lại có ý nghĩa gợi ý quan trọng: màu mực, khổ giấy, loại giấy, hệ thống chữ hý... Ở đây, theo chúng tôi, căn cứ xác thực nhất để xác định niên đại sao chép văn bản *Hạnh Am di văn* là hệ thống chữ hý.

Qua quá trình dịch thuật, khảo cứu văn bản *Hạnh Am di văn*, chúng tôi nhận thấy văn bản có hiện tượng ty hý chữ “thời” 時. Sau đây là kết quả thống kê của chúng tôi về các lần ty hý:

TT	Bức	Trang	Dòng	Chữ	Văn cảnh
1	2	12b	6	15	風塵辰節 (phong trần thời tiết)
2	5	17b	2	15	遭此辰世 (tao thử thời thế)
3	5	17b	3	8	一辰共事之人 (nhất thời cộng sự chi nhân)
4	7	20a	1	6	妄意天辰 (vọng ý thiên thời)
5	7	20a	1	11	識辰之傑 (thức thời chi kiệt)
6	7	20a	7	4	識辰務 (thức thời vụ)
7	7	21a	5	19	救辰良 (cứu thời lương sách)
8	8	21b	5	2	病疾辰作 (bệnh tật thời tác)
9	8	22a	1	9	辰以方外 顧問 (thời dĩ phương ngoại bị cố vấn)

10	9	22b	4	13	一辰無以表待曩賢之情 (nhất thời vô dĩ biểu đãi hiên chi tình)
11	15	31a	4	1	辰会必有席铃 (thời hội tất hữu tịch linh)
12	15	31b	2	15	惟天辰人事 (duy thiên thời nhân sự)

Tóm lại, trong văn bản chính thức có tổng cộng 12 lần ty huy. Hiện tượng này lặp lại một cách nhất quán trong toàn bộ văn bản: tất cả chữ *thời* 時 trong văn bản đều viết thành chữ *thần* (thìn) 辰.

Cách viết kiêng huy chữ “thời” xuất hiện vào đời vua Tự Đức (Nguyễn Phúc Thời). Như vậy, có thể khẳng định niên đại sao chép văn bản *Hạnh Am di văn* là vào khoảng từ thời Tự Đức về sau. Còn chính thức là vào năm nào, chúng tôi sẽ tiếp tục nghiên cứu tìm hiểu.

5. Đối chiếu văn bản *Hạnh Am di văn* và *Lạp Phong văn cáo*

Trong quá trình nghiên cứu, chúng tôi nhận thấy có một văn bản có nhiều điểm tương đồng với văn bản *Hạnh Am di văn*, đó là văn bản *Lạp Phong văn cáo*, kí hiệu A.3148 trong kho sách Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

Văn bản *Lạp phong văn cáo* ký hiệu A.3148 được viết trên giấy dó khá dày màu vàng nhạt, khổ rộng 26x16cm. Văn bản còn nguyên cả gáy và hai bìa sau, trước. Gáy quét sơn ta, có dòng chữ nhỏ đã mờ: 獵 峯 文 稿. Bìa ngoài bằng giấy xi măng quét sơn ta, có dòng chữ bên trái: 獵 峯 文 稿. Bìa lót bằng giấy

bản không có chữ. Văn bản chép tay, không có dấu chấm câu, có đánh dấu số tờ, không có số trang. Nhìn chung văn bản sạch sẽ nhưng chữ thảo, rất khó đọc.

Văn bản có tất cả 47 trang. Theo *Di sản Hán Nôm Việt Nam - Thư mục đề yếu*, có 42 trang, có lẽ tác giả đã không tính 5 trang chỉ ghi ngày tháng thảo thư từ, chiếu chỉ, biểu tấu. Trung bình có 22 chữ trên 1 dòng, có 8 dòng trên 1 trang.

Từ trang 1 đến trang 8, là phần câu đối, thơ ca, không rõ tác giả là ai. Từ trang 9 đến trang 42 là phần thư từ, chiếu chỉ, biểu tấu giao thiệp giữa La Sơn phu tử Nguyễn Thiếp và các vua Tây Sơn. Phần này chỉ có 14 bức, không có chiếu của vua Cảnh Thịnh và Nguyễn Ánh gửi La Sơn phu tử như văn bản *Hạnh Am di văn*. Từ trang 43 đến trang 47 là lời giáo huấn của gia đình Nguyễn Thiếp.

Sau đây chúng tôi tiến hành đối chiếu những điểm sai khác cụ thể giữa hai văn bản về nội dung trong phần thư, chiếu, biểu:

Thứ nhất, Sự sai khác về thời gian thảo thư, chiếu, biểu⁽⁷⁾:

TT	<i>Hạnh Am di văn</i>	<i>Lạp Phong văn cáo</i>	Năm dương lịch
1	Ngày 18 tháng 12 năm Thái Đức 9	Ngày 18 tháng 12 năm Thái Đức 9	1786
2	Ngày 9 tháng 1 năm Cảnh Hưng 48	Ngày 9 tháng 1 năm Cảnh Hưng 48	1787
3	Ngày 10 tháng 8 năm Thái Đức 10	Ngày 10 tháng 8 năm Thái Đức 10	1787
4	Ngày 2 tháng 9 năm Chiêu Thống thứ nhất	Ngày 2 tháng 9 năm Chiêu Thống thứ nhất	1787

5	Ngày 13 tháng 9 năm Thái Đức 10	Ngày 13 tháng 9 năm Thái Đức 10	1787
6	Ngày 18 tháng 3 năm Thái Đức 11	Ngày 18 tháng 3 năm Thái Đức 11	1787
7	Ngày 3 tháng 9 năm Thái Đức 11	Ngày 3 tháng 9 năm Thái Đức 11	1788
8	Ngày 4 tháng 9 năm Quang Trung 2	Ngày ? tháng 9 năm Quang Trung 2	1789
9	Ngày 5 tháng 10 năm Quang Trung 2	Ngày 5 tháng 10 năm Quang Trung 2	1789
10	Ngày 10 tháng 12 năm Quang Trung 2	Không ghi ngày tháng	1789
11	Ngày 10 tháng 7 năm Quang Trung 4	Ngày 10 tháng 11 năm Quang Trung 2 Ngày 10 tháng 7 năm Quang Trung 4	1791
12	Ngày 10 tháng 8 năm Quang Trung 4	Ngày 10 tháng 8 năm Quang Trung 4	1791
13	Ngày 20 tháng 8 năm Quang Trung 4	Ngày 20 tháng 8 năm Quang Trung 4	1791
14	Ngày 17 tháng 11 năm Quang Trung 5	Ngày ? tháng 11 năm Quang Trung 5	1792
15	Ngày 10 tháng 12 năm Cảnh Thịnh 8	0	1800
16	Ngày 2 tháng 6 năm Cảnh Hưng 62	0	1801

Như vậy, so với *Hạnh Am di văn*, *Lạp Phong văn cáo* thiếu 2 chiếu thư, 1 bức không ghi thời gian thảo, 2 bức không ghi ngày và 1 bức viết nhầm tháng.

Thứ hai, sự sai khác về câu chữ trong nội dung các bức thư⁽⁸⁾ chúng tôi lập bảng thống kê của 5 bức thư đầu như sau:

Bức	TT (trong từng bức)	<i>Hạnh Am di văn</i>	<i>Lạp Phong văn cáo</i>	Phương diện sai khác
1	1	敬致書于 (Kính trí thư vu)	敬書于 (Kính thư vu)	số lượng chữ
2	1	羅山月澳賤生 (La Sơn Nguyệt Úc tiện sinh)	羅山賤生 (La Sơn tiện sinh)	số lượng chữ
	2	綵色 (thải sắc)	色綵 (sắc thải)	trật tự chữ
	3	恐未盡得其寔 (khủng vị tận đắc kỳ thực)	恐未盡得其寔 (khủng vị tận đắc kỳ thực)	hình thức - ý nghĩa
	4	臨事 (lâm sự)	霖事 (lâm sự)	hình thức - ý nghĩa
	5	尊堂 (tôn đường)	宗堂 (tông đường)	hình thức - ý nghĩa
	6	顛 (Chuyên)	某 (mỗ)	hình thức - ý nghĩa
3	1	留守名芳侯, 兵部侍郎覺鯉侯 (Lưu thủ Danh Phương hầu, Binh bộ Thị lang Giác Lý hầu)	留守名芳侯阮文芳, 兵部侍郎覺鯉侯莉材 (Lưu thủ Danh Phương hầu Nguyễn Văn Phương, Binh bộ Thị lang Giác lý hầu Lê Tài)	số lượng chữ
	2	礼物拜候聘迎 (lễ vật bái hậu sính nghênh)	礼物且貝, 別... (lễ vật (thả bói, biệt...) bái hậu sính nghênh)	số lượng chữ

	3	斯世不所倚毗 (tu thế bất sở ý bì)	斯世有不所倚毗 (tu thế hữu sở ý bì)	số lượng chữ
4	1	某 (mỗ)	顛 (Chuyên)	hình thức - ý nghĩa
	2	迎將聘書 (ngênh tương sính thư)	奉聘書 (phụng sính thư)	số lượng chữ
	3	邇來衰耗殊甚, 暇及於蒼生何 (nhĩ lai suy hao thù thậm, hạ cập ư thương sinh hà?)	邇來衰耗殊甚, 腰...常覺痛, 自身及家小大不一需樂鉅遑遑然月校之不暇焉能 (nhĩ lai suy hao thù thậm, yêu... thường giác thống, tự thân cập gia tiểu đại bất nhất nhu lạc nhĩ, hoàng hoàng nhiên nguyệt giáo chi bất hạ yên năng)	số lượng chữ, hình thức, ý nghĩa
	4	頤養精神 (di dưỡng tinh thần)	頤養心神 (di dưỡng tâm thần)	hình thức
	5	王上諒焉 (vương thượng lượng yên)	王上諒焉 恕焉 (vương thượng lượng yên thứ yên)	số lượng chữ
5	1	安南大元帥 (An Nam Đại nguyên soái)	大元帥 (Đại nguyên soái)	số lượng chữ
	2	肇起伯圖 (triệu khởi bá đồ)	肇起霸圖 (triệu khởi bá đồ)	hình thức - ý nghĩa
	3	機務繁多 (cơ vụ phồn đa)	机務繁多 (cơ vụ phồn đa)	hình thức - ý nghĩa
	4	其間得失 (kỳ gian đắc thất)	間其得失 (gian kỳ đắc thất)	trật tự chữ
	5	恭謁其門 (cung yết kỳ môn)	躬謁其門 (cung yết kỳ môn)	hình thức - ý nghĩa
	7	夢想頻勞 (mộng tưởng tần lao)	梦想頻勞 (mộng tưởng tần lao)	cách viết
	8	然而蒼生何之思 (nhiên nhi thương sinh hà chi tư)	然而如蒼生何之思 (nhiên nhi như thương sinh hà chi tư)	số lượng chữ
	9	始勤終倦之念也 (thủy cần chung quyện chi niệm dã)	始勤終倦之念耶 (thủy cần chung quyện chi niệm da)	hình thức

Từ việc thống kê - đối chiếu trên, chúng tôi nhận thấy: hai văn bản có nhiều điểm sai khác về câu chữ trong nội

dung. Nguyên nhân chủ yếu do nhầm lẫn từ ngữ đồng âm dị nghĩa, ví dụ: *giản* 揀 - *giản* 簡; do phát âm địa phương, ví dụ:

hữu 有 - *hữu* 又, *Thiếp* 涉 - *Thiếp* 涉; do nhầm các từ gần nghĩa có hình thức na ná nhau, ví dụ: *thần* 晨 - *năng* 曩; lại có trường hợp sai khác do một chữ có nhiều cách viết, ví dụ: 係 *hệ* - 繫 *hệ*; có trường hợp sai khác do hiện tượng đồng nghĩa, ví dụ: 使 *sử* - 遣 *khien*...

Nhìn chung, văn bản *Hạnh Am di văn* có nhiều ưu điểm hơn, chính xác hơn, thích hợp hơn so với văn bản *Lạp phong văn cáo*. Chẳng hạn khi nói “giản dụng” (lựa chọn để dùng), thì không nên dùng chữ 簡; khi nói về ý nghĩa so sánh (“bất năng dữ thiếu tương tĩ”) không thể dùng chữ 徙, khi nói “khí huyết nhật suy” sẽ hay hơn “khí huyết lực suy” bởi nó có ý nghĩa nhấn mạnh sự suy giảm sức khỏe từng ngày không thể cứu vãn được; hay như trật tự của “miễn thứ” thông dụng hơn “thứ miễn”, “căn bản” thường dùng hơn “bản căn”...

Tuy nhiên, hai văn bản dù có nhiều điểm sai khác nhưng những sai khác đó không ảnh hưởng lớn đến nội dung cơ bản của tác phẩm. Văn bản *Hạnh Am di văn* là đáng tin cậy hơn, nhưng trong quá trình khảo cứu, chúng tôi cũng coi văn bản *Lạp phong văn cáo* là cứ liệu quan trọng để phân tích đối chiếu, từ đó có kết quả nghiên cứu toàn diện và khách quan hơn.

*
* *

Tóm lại, qua quá trình khảo cứu, chúng tôi có thể rút ra một số kết luận: Văn bản VHB.212 nên gọi là *Hạnh Am*

di văn. Giữa *Hạnh am di văn* và *Lạp Phong văn cáo* có nhiều điểm tương đồng về nội dung. *Hạnh Am di văn* có tất cả ba phần nhưng *Phần 2* là phần văn bản chính thức và là đối tượng nghiên cứu của bài viết. Sách chép tay, có niên đại sao chép vào khoảng từ đời Tự Đức về sau. *Phần 2* có tất cả 16 bức thư từ, chiếu chỉ, biểu tấu giao thiệp giữa các vua Tây Sơn và vua Gia Long Nguyễn Ánh với La Sơn phu tử Nguyễn Thiếp, là tư liệu lịch sử quan trọng về mối quan hệ phức tạp của một nhà ẩn sĩ với ba triều vua trong một thời đại đầy đổi thay bão táp.

N.T.N

Chú thích:

(1)(6) *Di sản Hán Nôm Việt Nam - Thư mục đề yếu*, Trần Nghĩa - François Gros đồng chủ biên, Nxb. KHXH, H. 1993, tr.761.

(2) Trần Văn Giáp: *Tìm hiểu kho sách Hán Nôm*, Nxb. KHXH, H. 2003, tr.121.

(3) Trịnh Khắc Mạnh: *Tên tự - tên hiệu các tác gia Hán Nôm Việt Nam*, Nxb. KHXH, H. 2002, tr.213.

(4) Bùi Duy Tân - Nguyễn Kim Sơn - Phạm Vân Dung: *Tinh tuyển thơ văn Hán Nôm*, H. Giáo dục, 2005, tr.456.

(5) Thái Kim Đính: *Tác gia Hán Nôm Nghệ Tĩnh*, thư viện Hà Tĩnh, 1996, tr.32.

(7) Chúng tôi in nghiêng những điểm sai khác.

(8) Chúng tôi in đậm những điểm sai khác./.